

Số: **833** /QĐ-ĐHHĐ

Thanh Hóa, ngày **30** tháng **5** năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công nhận học viên cao học đợt 1 năm 2019**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**

Căn cứ Quyết định số 797/QĐ-TTg ngày 24/9/1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ Quyết định số 867/QĐ-TTg ngày 12/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao nhiệm vụ đào tạo trình độ Thạc sĩ cho Trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 709/QĐ-ĐHHĐ ngày 12/5/2015 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ Quyết định số 692/QĐ-ĐHHĐ ngày 10/5/2019 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ Quyết định số 668/QĐ-ĐHHĐ ngày 09/5/2019 của Hiệu trưởng về việc công nhận danh sách trúng tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 713/QĐ-ĐHHĐ ngày 16/5/2019 của Hiệu trưởng về việc công nhận thí sinh nước CHDCND Lào trúng tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2019;

Căn cứ danh sách nhập học cao học đợt 1 năm 2019;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo sau đại học,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận 229 học viên cao học đợt 1 năm 2019 thuộc 12 chuyên ngành (có danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Các học viên có tên ở Điều 1 có trách nhiệm thực hiện Quy chế và được hưởng mọi quyền lợi theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng phòng: Quản lý đào tạo Sau đại học, Kế hoạch - Tài chính; Trưởng khoa đào tạo Sau đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và các học viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- UBND tỉnh Thanh Hóa (để b/c);
- Các Sở: GD&ĐT, KH-ĐT, TC (để b/c);
- Lưu: VT, SDH.



**Hoàng Nam**

**DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC ĐỢT 1 NĂM 2019**

(Ban hành Kèm theo Quyết định số: **833/QĐ-ĐHHD** ngày **30** tháng **5** năm 2019)

**1. Chuyên ngành: Toán Giải tích, mã số: 8460102**

| TT | Họ và tên     |        | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh  |
|----|---------------|--------|-----------|------------|-----------|
| 1  | Nguyễn Thanh  | Bình   | Nam       | 27.01.1978 | Thanh Hóa |
| 2  | Vũ Mạnh       | Hùng   | Nam       | 31.7.1980  | Lào Cai   |
| 3  | Trương Thị    | Hương  | Nữ        | 10.12.1981 | Thanh Hóa |
| 4  | Trịnh Thị Thu | Huyền  | Nữ        | 18.02.1979 | Thanh Hóa |
| 5  | Hà Văn        | Quyền  | Nam       | 20.5.1980  | Thanh Hóa |
| 6  | Trần Thị      | Thu    | Nữ        | 01.10.1981 | Thanh Hóa |
| 7  | Phạm Đình     | Thương | Nam       | 15.5.1981  | Thanh Hóa |

**2. Chuyên ngành: Phương pháp Toán sơ cấp, mã số: 8460113**

| TT | Họ và tên              |       | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh          |
|----|------------------------|-------|-----------|------------|-------------------|
| 8  | Trần Thị               | Bích  | Nữ        | 10.9.1985  | Thanh Hóa         |
| 9  | Nguyễn Thị Hải         | Hằng  | Nữ        | 09.12.1995 | Thanh Hóa         |
| 10 | Bùi Thị                | Hoa   | Nữ        | 13.8.1983  | Thanh Hóa         |
| 11 | Đặng Minh              | Hòa   | Nam       | 19.9.1981  | Thanh Hóa         |
| 12 | Nguyễn Thị Thu         | Hương | Nữ        | 30.5.1985  | Thanh Hóa         |
| 13 | Lê Văn                 | Lâm   | Nam       | 02.03.1982 | Thanh Hóa         |
| 14 | Lê Hồng                | Nam   | Nam       | 20.08.1989 | Thanh Hóa         |
| 15 | Phạm Thị               | Thắng | Nữ        | 16.8.1985  | Thanh Hóa         |
| 16 | Nguyễn Văn             | Viên  | Nam       | 02.8.1982  | Thanh Hóa         |
| 17 | Nguyễn Quốc            | Vang  | Nam       | 20.2.1981  | Thanh Hóa         |
| 18 | Sonethaxay Sibouathone |       | Nam       | 21.04.1981 | Houa Phan-<br>Lào |

**3. Chuyên ngành: Hóa hữu cơ, mã số: 8440114**

| TT | Họ và tên  |       | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh  |
|----|------------|-------|-----------|------------|-----------|
| 19 | Lê Duy     | Chiến | Nam       | 20.7.1982  | Thanh Hóa |
| 20 | Trần Hùng  | Chỉnh | Nam       | 24.5.1981  | Thanh Hóa |
| 21 | Lê Văn     | Cường | Nam       | 02.8.1984  | Thanh Hóa |
| 22 | Lê Thị     | Duyên | Nữ        | 01.4.1995  | Thanh Hóa |
| 23 | Trịnh Hồng | Hạnh  | Nữ        | 22.12.1987 | Thanh Hóa |
| 24 | Phạm Tuấn  | Hậu   | Nam       | 15.6.1981  | Thanh Hóa |

*Nguyễn*



|    |                  |       |     |            |           |
|----|------------------|-------|-----|------------|-----------|
| 25 | Nguyễn Thanh     | Hoa   | Nữ  | 28.6.1989  | Ninh Bình |
| 26 | Vũ Thị           | Hương | Nữ  | 09.12.1982 | Thanh Hóa |
| 27 | Khúc Dương       | Huy   | Nam | 04.11.1996 | Thanh Hóa |
| 28 | Cao Thị          | Lan   | Nữ  | 25.10.1982 | Thanh Hóa |
| 29 | Lê Thị Như       | Quỳnh | Nữ  | 19.12.1995 | Thanh Hóa |
| 30 | Lê Văn           | Thành | Nam | 17.5.1984  | Thanh Hóa |
| 31 | Lê Văn           | Thuận | Nam | 10.7.1985  | Thanh Hóa |
| 32 | Nguyễn Thị Huyền | Trang | Nữ  | 17.12.1986 | Tây Ninh  |
| 33 | Nguyễn Thị Hương | Lý    | Nữ  | 17.8.1989  | Thanh Hóa |

**4. Chuyên ngành: Vật lý lý thuyết và Vật lý toán, mã số: 8440103**

| TT | Họ và tên  |        | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh  |
|----|------------|--------|-----------|------------|-----------|
| 34 | Trịnh Thị  | Bình   | Nữ        | 17.5.1984  | Thanh Hóa |
| 35 | Trần Quốc  | Cường  | Nam       | 12.8.1981  | Thanh Hóa |
| 36 | Hà Thị     | Dung   | Nữ        | 08.4.1984  | Thanh Hóa |
| 37 | Nguyễn Thị | Duyên  | Nữ        | 02.7.1986  | Thanh Hóa |
| 38 | Lê Thị     | Hà     | Nữ        | 10.12.1984 | Thanh Hóa |
| 39 | Nguyễn Thị | Hiền   | Nữ        | 10.7.1982  | Thanh Hóa |
| 40 | Hoàng Thị  | Hường  | Nữ        | 06.12.1981 | Thanh Hóa |
| 41 | Phan Thanh | Liêm   | Nam       | 16.01.1982 | Thanh Hóa |
| 42 | Trương Thị | Nguyên | Nữ        | 24.11.1984 | Thanh Hóa |
| 43 | Lê Thanh   | Tùng   | Nam       | 04.10.1980 | Thanh Hóa |
| 44 | Lê Thị     | Vui    | Nữ        | 18.9.1981  | Thanh Hóa |
| 45 | Lê Thị     | Hoa    | Nữ        | 12.8.1985  | Thanh Hóa |

**5. Chuyên ngành: Động vật học, mã số: 8420103**

| TT | Họ và tên  |       | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh  |
|----|------------|-------|-----------|------------|-----------|
| 46 | Nguyễn Văn | Dũng  | Nam       | 08.9.1979  | Thanh Hóa |
| 47 | Lê Thị     | Hà    | Nữ        | 24.5.1983  | Thanh Hóa |
| 48 | Thiều Thị  | Huyền | Nữ        | 10.7.1996  | Thanh Hóa |
| 49 | Nguyễn Thị | Lương | Nữ        | 15.7.1987  | Thanh Hóa |
| 50 | Nguyễn Thị | Lý    | Nữ        | 05.03.1983 | Thanh Hóa |
| 51 | Lê Văn     | Quế   | Nam       | 01.01.1981 | Thanh Hóa |
| 52 | Lê Trọng   | Tài   | Nam       | 28.9.1979  | Thanh Hóa |
| 53 | Ngô Trọng  | Tú    | Nam       | 24.6.1977  | Thanh Hóa |

*nguy* ✓

**6. Chuyên ngành: Thực vật học, mã số: 8420111**

| TT | Họ và tên |       | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh  |
|----|-----------|-------|-----------|------------|-----------|
| 54 | Hoàng Thị | Huế   | Nữ        | 03.7.1982  | Thanh Hóa |
| 55 | Hoàng Thị | Liên  | Nữ        | 07.10.1987 | Thanh Hóa |
| 56 | Lê Thị    | Nga   | Nữ        | 20.10.1986 | Thanh Hóa |
| 57 | Lê Thị    | Thuận | Nữ        | 1.11.1985  | Thanh Hóa |

**7. Chuyên ngành: Khoa học cây trồng, mã số: 8620110**

| TT | Họ và tên               |       | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh          |
|----|-------------------------|-------|-----------|------------|-------------------|
| 58 | Nguyễn Thị Minh         | Huệ   | Nữ        | 10.01.1982 | Thanh Hóa         |
| 59 | Khương Ngọc             | Huỳnh | Nam       | 06.02.1969 | Thanh Hóa         |
| 60 | Nguyễn Trung            | Kiên  | Nam       | 16.5.1980  | Thanh Hóa         |
| 61 | Lý Thị                  | Thắm  | Nữ        | 10.10.1981 | Thanh Hóa         |
| 62 | Cao Thị                 | Thoa  | Nữ        | 02.8.1988  | Hải Dương         |
| 63 | Vũ Quang                | Trung | Nam       | 31.7.1976  | Thanh Hóa         |
| 64 | Dethnakhone Phonkhatiya |       | Nam       | 26.05.1985 | Houa Phan-<br>Lào |

**8. Chuyên ngành: Địa lý học, mã số: 8310501**

| TT | Họ và tên         |       | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh  |
|----|-------------------|-------|-----------|------------|-----------|
| 65 | Nguyễn Thị Phương | Chi   | Nữ        | 26.12.1978 | Thanh Hóa |
| 66 | Nguyễn Thị        | Huyền | Nữ        | 09.8.1984  | Thanh Hóa |
| 67 | Vũ Thị Minh       | Thư   | Nữ        | 07.11.1985 | Thanh Hóa |
| 68 | Lê Vinh           | Toàn  | Nam       | 26.10.1982 | Thanh Hóa |
| 69 | Thiều Thị         | Hường | Nữ        | 20.9.1979  | Thanh Hóa |

**9. Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam, mã số: 8229013**

| TT | Họ và tên  |        | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh  |
|----|------------|--------|-----------|------------|-----------|
| 70 | Lê Thị     | Lan    | Nữ        | 15.9.1984  | Thanh Hóa |
| 71 | Đỗ Thị     | Mai    | Nữ        | 01.5.1982  | Thanh Hóa |
| 72 | Trần Thị   | Ngọc   | Nữ        | 20.10.1978 | Thanh Hóa |
| 73 | Nguyễn Thị | Phương | Nữ        | 06.03.1989 | Thanh Hóa |
| 74 | Trần Ngọc  | Tùng   | Nam       | 12.5.1979  | Thanh Hóa |
| 75 | Ngô Quang  | Vinh   | Nam       | 10.7.1995  | Thanh Hóa |



**10. Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh, mã số: 8340101**

| TT  | Họ và tên      |       | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh    |
|-----|----------------|-------|-----------|------------|-------------|
| 76  | Lê Duy         | Anh   | Nam       | 30.01.1985 | Thanh Hóa   |
| 77  | Vũ Nguyễn Nam  | Anh   | Nam       | 06.03.1996 | Thanh Hóa   |
| 78  | Hoàng Thị      | Chung | Nữ        | 20.12.1986 | Thanh Hóa   |
| 79  | Đỗ Hữu         | Đạt   | Nam       | 21.4.1995  | Thanh Hóa   |
| 80  | Lê Thị         | Dung  | Nữ        | 03.11.1977 | Thái Nguyên |
| 81  | Hoàng Văn Tiến | Dũng  | Nam       | 21.4.1993  | Thanh Hóa   |
| 82  | Nguyễn Hoàng   | Giang | Nam       | 26.7.1982  | Thanh Hóa   |
| 83  | Nguyễn Hữu     | Hà    | Nam       | 22.12.1971 | Thanh Hóa   |
| 84  | Lê Ngọc        | Hải   | Nam       | 25.10.1988 | Thanh Hóa   |
| 85  | Lê Ngọc        | Hải   | Nam       | 27.4.1991  | Thanh Hóa   |
| 86  | Bùi Thị Hồng   | Hạnh  | Nữ        | 19.5.1984  | Thanh Hóa   |
| 87  | Nguyễn Thị Thu | Hiền  | Nữ        | 22.12.1982 | Thanh Hóa   |
| 88  | Lưu Thị        | Hoài  | Nữ        | 28.4.1978  | Thanh Hóa   |
| 89  | Bùi Văn        | Hoàn  | Nam       | 02.11.1975 | Thanh Hóa   |
| 90  | Trần           | Hoàng | Nam       | 09.9.1985  | Thanh Hóa   |
| 91  | Lê Thanh       | Hoàng | Nam       | 14.9.1984  | Thanh Hóa   |
| 92  | Trịnh Thị      | Hồng  | Nữ        | 22.06.1982 | Thanh Hóa   |
| 93  | Lê Thị         | Hồng  | Nữ        | 01.10.1987 | Thanh Hóa   |
| 94  | Đỗ Văn         | Huấn  | Nam       | 02.02.1982 | Thanh Hóa   |
| 95  | Trần Trọng     | Hùng  | Nam       | 26.11.1990 | Thanh Hóa   |
| 96  | Cao Tuấn Minh  | Hùng  | Nam       | 28.4.1983  | Nghệ An     |
| 97  | Lê Ngọc        | Hưng  | Nam       | 01.7.1981  | Thanh Hóa   |
| 98  | Ngô Sỹ         | Hưng  | Nam       | 20.09.1992 | Thanh Hóa   |
| 99  | Lê Huy         | Hưng  | Nam       | 27.9.1985  | Thanh Hóa   |
| 100 | Trịnh Quang    | Huy   | Nam       | 05.12.1993 | Thanh Hóa   |
| 101 | Đỗ Thị Thu     | Huyền | Nữ        | 15.03.1982 | Thanh Hóa   |
| 102 | Trịnh Thanh    | Huyền | Nữ        | 14.9.1982  | Thanh Hóa   |
| 103 | Lê Thị         | Kiên  | Nữ        | 25.4.1993  | Thanh Hóa   |
| 104 | Phạm Trung     | Kiên  | Nam       | 27.12.1989 | Thanh Hóa   |
| 105 | Lê Văn         | Liêm  | Nam       | 20.3.1975  | Đà Nẵng     |
| 106 | Lê Thị         | Liên  | Nữ        | 20.5.1989  | Thanh Hóa   |
| 107 | Lê Thị Hà      | Linh  | Nữ        | 24.4.1995  | Thanh Hóa   |
| 108 | Tạ Thị         | Loan  | Nữ        | 09.8.1991  | Thanh Hóa   |
| 109 | Trần Ngọc      | Lợi   | Nam       | 03.10.1981 | Thanh Hóa   |
| 110 | Hoàng Thanh    | Long  | Nam       | 12.10.1991 | Thanh Hóa   |
| 111 | Hàn Xuân       | Minh  | Nam       | 30.11.1984 | Thanh Hóa   |
| 112 | Lê Trần        | Minh  | Nam       | 08.7.1994  | Thanh Hóa   |
| 113 | Nguyễn Văn     | Nam   | Nam       | 02.10.1986 | Thanh Hóa   |
| 114 | Hoàng Thị      | Nga   | Nữ        | 04.8.1990  | Thanh Hóa   |
| 115 | Lê Minh        | Nghĩa | Nam       | 18.4.1980  | Thanh Hóa   |
| 116 | Tổng Thị Trang | Nhung | Nữ        | 16.01.1986 | Thanh Hóa   |
| 117 | Trịnh Văn      | Quý   | Nam       | 16.8.1989  | Thanh Hóa   |
| 118 | Vũ Hồng        | Quyên | Nữ        | 29.12.1989 | Thanh Hóa   |

|     |                           |        |     |            |                        |
|-----|---------------------------|--------|-----|------------|------------------------|
| 119 | Đào Đức                   | Thắng  | Nam | 20.10.1975 | Thanh Hóa              |
| 120 | Trịnh Văn                 | Thanh  | Nam | 18.10.1981 | Thanh Hóa              |
| 121 | Đỗ Minh                   | Thành  | Nam | 04.8.1991  | Thanh Hóa              |
| 122 | Phạm Văn                  | Thành  | Nam | 05.7.1971  | Thanh Hóa              |
| 123 | Nguyễn Thị Thanh          | Thảo   | Nữ  | 28.04.1996 | Thanh Hóa              |
| 124 | Phạm Nguyễn Thu           | Thương | Nữ  | 08.7.1983  | Phú Yên                |
| 125 | Lê Trọng                  | Toàn   | Nam | 28.7.1988  | Thanh Hóa              |
| 126 | Phạm Đức                  | Toàn   | Nam | 15.10.1978 | Thanh Hóa              |
| 127 | Cao Thị Minh              | Trang  | Nữ  | 25.08.1990 | Thanh Hóa              |
| 128 | Quách Văn                 | Trung  | Nam | 09.6.1982  | Thanh Hóa              |
| 129 | Hoàng Tuấn                | Tú     | Nam | 05.6.1995  | Thanh Hóa              |
| 130 | Lê Minh                   | Tuấn   | Nam | 20.6.1982  | Thanh Hóa              |
| 131 | Nguyễn Cao                | Tùng   | Nam | 16.4.1985  | Thanh Hóa              |
| 132 | Nguyễn Anh                | Xuân   | Nam | 22.6.1980  | Phú Thọ                |
| 133 | Đinh Thị Hoàng            | Yến    | Nữ  | 15.03.1981 | Thái Nguyên            |
| 134 | Trịnh Thị                 | Yến    | Nữ  | 12.01.1989 | Thanh Hóa              |
| 135 | Nguyễn Thị Hải            | Yến    | Nữ  | 23.8.1983  | Thanh Hóa              |
| 136 | Vanhphout Khamsoekchalern |        | Nữ  | 05.09.1984 | Houa Phan-<br>Lào      |
| 137 | Kanthong Vilayshan        |        | Nam | 20.05.1985 | Houa Phan-<br>Lào      |
| 138 | Vongkhoud Xanamonty       |        | Nam | 12.01.1990 | Champasack-<br>Lào     |
| 139 | But Xiong                 |        | Nam | 07.08.1980 | Xieng<br>Khouang - Lào |

#### 11. Chuyên ngành: Kế toán, mã số: 8340301

| TT  | Họ và tên      |       | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh  |
|-----|----------------|-------|-----------|------------|-----------|
| 140 | Phạm Quỳnh     | Anh   | Nữ        | 15.11.1994 | Thanh Hóa |
| 141 | Trần Kiều      | Anh   | Nữ        | 15.12.1991 | Thanh Hóa |
| 142 | Lại Lan        | Anh   | Nữ        | 04.11.1980 | Thái Bình |
| 143 | Mai Vân        | Anh   | Nữ        | 15.5.1993  | Thanh Hóa |
| 144 | Ngô Thị Trung  | Anh   | Nữ        | 17.9.1994  | Thanh Hóa |
| 145 | Nguyễn Ngọc    | Ánh   | Nữ        | 05.11.1996 | Thanh Hóa |
| 146 | Nguyễn Thanh   | Bình  | Nam       | 12.7.1977  | Thanh Hóa |
| 147 | Vũ Thị         | Dung  | Nữ        | 27.7.1986  | Thanh Hóa |
| 148 | Lê Tiến        | Dũng  | Nam       | 09.5.1982  | Thanh Hóa |
| 149 | Lưu Văn        | Dũng  | Nam       | 19.9.1976  | Thanh Hóa |
| 150 | Lê Thị Trà     | Giang | Nữ        | 14.03.1996 | Thanh Hóa |
| 151 | Nguyễn Thị     | Hà    | Nữ        | 01.8.1983  | Thanh Hóa |
| 152 | Nguyễn Văn     | Hải   | Nam       | 02.10.1990 | Thanh Hóa |
| 153 | Mai Thị Thu    | Hằng  | Nữ        | 13.10.1983 | Thanh Hóa |
| 154 | Đỗ Thị         | Hằng  | Nữ        | 20.6.1992  | Thanh Hóa |
| 155 | Phạm Thị       | Hằng  | Nữ        | 23.9.1986  | Thanh Hóa |
| 156 | Nguyễn Thị Thu | Hiền  | Nữ        | 02.9.1990  | Thanh Hóa |
| 157 | Lê Thị         | Hiền  | Nữ        | 18.6.1982  | Thanh Hóa |



|     |                   |        |     |            |                   |
|-----|-------------------|--------|-----|------------|-------------------|
| 158 | Trương Thị        | Hiếu   | Nữ  | 27.11.1988 | Nghệ An           |
| 159 | Nguyễn Sĩ         | Hiếu   | Nam | 10.10.1987 | Thanh Hóa         |
| 160 | Trịnh Thị         | Hoa    | Nữ  | 22.9.1983  | Thanh Hóa         |
| 161 | Lê Phạm Thị       | Hòa    | Nữ  | 24.5.1994  | Thanh Hóa         |
| 162 | Nguyễn Công       | Hưng   | Nam | 12.4.1979  | Thanh Hóa         |
| 163 | Lê Trần           | Hưng   | Nam | 05.10.1981 | Thanh Hóa         |
| 164 | Nguyễn Thị Khánh  | Huyền  | Nữ  | 02.11.1996 | Thanh Hóa         |
| 165 | Nguyễn Thị        | Lan    | Nữ  | 10.03.1987 | Thanh Hóa         |
| 166 | Nguyễn Thảo       | Lan    | Nữ  | 05.9.1984  | Thanh Hóa         |
| 167 | Lê Thị Mai        | Linh   | Nữ  | 07.01.1993 | Thanh Hóa         |
| 168 | Hoàng Thị Hà      | Linh   | Nữ  | 16.3.1992  | Thanh Hóa         |
| 169 | Nguyễn Đức        | Long   | Nam | 22.5.1991  | Thanh Hóa         |
| 170 | Nguyễn Thị        | Lý     | Nữ  | 15.6.1978  | Thanh Hóa         |
| 171 | Nguyễn Thị        | Lý     | Nữ  | 26.9.1991  | Thanh Hóa         |
| 172 | Mai Danh          | Minh   | Nam | 18.8.1990  | Thanh Hóa         |
| 173 | Lê Thị Thu        | Nga    | Nữ  | 25.01.1990 | Thanh Hóa         |
| 174 | Nguyễn Thị        | Nguyệt | Nữ  | 14.9.1982  | Thanh Hóa         |
| 175 | Trần Thị          | Nhàn   | Nữ  | 7.9.1983   | Thanh Hóa         |
| 176 | Nguyễn Thị        | Phương | Nữ  | 18.02.1995 | Thanh Hóa         |
| 177 | Lê Đỗ Thu         | Phương | Nữ  | 13.03.1995 | Thanh Hóa         |
| 178 | Lê Thị Minh       | Phương | Nữ  | 01.8.1989  | Thanh Hóa         |
| 179 | Hà Thị            | Hương  | Nữ  | 02.8.1987  | Ninh Bình         |
| 180 | Trần Thị          | Phương | Nữ  | 02.03.1988 | Thanh Hóa         |
| 181 | Mai Thị Thu       | Phương | Nữ  | 23.9.1975  | Thanh Hóa         |
| 182 | Lê Việt           | Quang  | Nam | 20.9.1976  | Thanh Hóa         |
| 183 | Nguyễn Như        | Quỳnh  | Nữ  | 28.03.1994 | Thanh Hóa         |
| 184 | Đỗ Công           | Tâm    | Nam | 26.8.1980  | Thanh Hóa         |
| 185 | Phạm Thị          | Tân    | Nữ  | 20.4.1986  | Thanh Hóa         |
| 186 | Trương Quý        | Thái   | Nam | 02.8.1978  | Thanh Hóa         |
| 187 | Nguyễn Mai        | Thanh  | Nữ  | 29.8.1982  | Thanh Hóa         |
| 188 | Phạm Thị          | Thanh  | Nữ  | 28.9.1984  | Thanh Hóa         |
| 189 | Lương Thị Phương  | Thanh  | Nữ  | 24.01.1983 | Hòa Bình          |
| 190 | Lê Thị Phương     | Thảo   | Nữ  | 09.11.1993 | Thanh Hóa         |
| 191 | Nguyễn Thị Phương | Thu    | Nữ  | 23.03.1989 | Thanh Hóa         |
| 192 | Phạm Thị          | Thu    | Nữ  | 15.8.1983  | Thanh Hóa         |
| 193 | Nguyễn Thị        | Thủy   | Nữ  | 29.03.1991 | Thanh Hóa         |
| 194 | Nguyễn Bá         | Tinh   | Nam | 10.02.1984 | Thanh Hóa         |
| 195 | Vũ Hùng           | Toàn   | Nam | 01.03.1987 | Thanh Hóa         |
| 196 | Vũ Thị            | Trang  | Nữ  | 04.10.1980 | Thanh Hóa         |
| 197 | Lê Đức            | Trọng  | Nam | 05.5.1992  | Thanh Hóa         |
| 198 | Lê Ngọc           | Tú     | Nam | 29.10.1989 | Thanh Hóa         |
| 199 | Lê Xuân           | Tùng   | Nam | 25.10.1973 | Thanh Hóa         |
| 200 | Nguyễn Thị        | Vân    | Nữ  | 15.6.1986  | Thanh Hóa         |
| 201 | Đỗ Thị Thanh      | Vân    | Nữ  | 15.5.1974  | Lai Châu          |
| 202 | Lê Thị            | Yến    | Nữ  | 20.4.1988  | Thanh Hóa         |
| 203 | Am Bounmany       |        | Nam | 30.07.1987 | Houa Phan-<br>Lào |

**12. Chuyên ngành: Quản lý giáo dục, mã số: 8140114**

| TT  | Họ và tên        |       | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh  |
|-----|------------------|-------|-----------|------------|-----------|
| 204 | Lê Đức           | Cảnh  | Nam       | 28.10.1981 | Thanh Hóa |
| 205 | Nguyễn Văn       | Cường | Nam       | 14.7.1982  | Thanh Hóa |
| 206 | Nguyễn Trần Bách | Diệp  | Nữ        | 10.7.1972  | Ninh Bình |
| 207 | Hoàng Văn        | Đoàn  | Nam       | 07.8.1979  | Ninh Bình |
| 208 | Nguyễn Thị       | Dung  | Nữ        | 14.10.1973 | Thanh Hóa |
| 209 | Nguyễn Kim       | Dung  | Nữ        | 01.10.1987 | Thanh Hóa |
| 210 | Lê Tiến          | Dũng  | Nam       | 16.11.1983 | Thanh Hóa |
| 211 | Lê Thị           | Hằng  | Nữ        | 05.12.1976 | Thanh Hóa |
| 212 | Lê Thị Thanh     | Hằng  | Nữ        | 18.3.1980  | Thanh Hóa |
| 213 | Đinh Thị         | Hòa   | Nữ        | 28.12.1993 | Ninh Bình |
| 214 | Trịnh Văn        | Liêm  | Nam       | 03.02.1979 | Thanh Hóa |
| 215 | Nguyễn Thùy      | Linh  | Nữ        | 11.8.1986  | Thanh Hóa |
| 216 | Trần Thị         | Nga   | Nữ        | 24.01.1987 | Thanh Hóa |
| 217 | Nguyễn Thị       | Ngọc  | Nữ        | 02.9.1986  | Thanh Hóa |
| 218 | Trịnh Thị Thanh  | Nhàn  | Nữ        | 05.4.1976  | Hà Nam    |
| 219 | Hà Mai           | Quyên | Nữ        | 01.02.1987 | Thanh Hóa |
| 220 | Trần Thị         | Sang  | Nữ        | 03.6.1980  | Thanh Hóa |
| 221 | Hà Thị           | Tâm   | Nữ        | 18.8.1984  | Ninh Bình |
| 222 | Đặng Quyết       | Thắng | Nam       | 18.02.1977 | Ninh Bình |
| 223 | Ngô Đức          | Thắng | Nam       | 27.10.1978 | Ninh Bình |
| 224 | Nguyễn Văn       | Thịnh | Nam       | 07.3.1979  | Thanh Hóa |
| 225 | Phùng Thị        | Thủy  | Nữ        | 02.8.1991  | Ninh Bình |
| 226 | Nguyễn Thị       | Trang | Nữ        | 20.3.1990  | Thanh Hóa |
| 227 | Nguyễn Thị       | Vân   | Nữ        | 25.6.1978  | Thanh Hóa |
| 228 | Hoàng Thị        | Xuân  | Nữ        | 14.12.1980 | Ninh Bình |
| 229 | Đinh Thị         | Yến   | Nữ        | 01.9.1985  | Ninh Bình |

(Ấn định danh sách gồm 229 học viên)./. *nguyễn*

**Q. HIỆU TRƯỞNG**  
  
**Hoàng Nam**